

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển

2. Ông Nguyễn Văn Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Song H (L), sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 12, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: 154/26 đường NPC, Phường 15, quận TB, Thành phố HCM.

Bị đơn: Anh Lê Duy H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 12, ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Chị H và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Song H trình bày:

Chị và anh Lê Duy H chung sống với nhau vào ngày 26-5-1997 dương lịch, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, lễ tuyên bố nên không có cho

nữ trang, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại nhà cha mẹ ruột chị Hương tại xã TĐ, huyện GD, sau đó thuê nhà trọ sinh sống đến khi ly thân.

Từ khi chung sống với anh H, chị H nhận thấy không được hạnh phúc, nguyên nhân do anh Hùng thường xuyên đi vắng nhà, không quan tâm đến gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh chị sống ly thân từ năm 2008 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Phạm Lê Thẩm Ph, sinh ngày 16-7-1999 hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Lê Thanh Ph, sinh ngày 19-02-2008, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Duy H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không đến và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H. Về con chung: Cháu Phạm Lê Thẩm Ph, sinh ngày 16-7-1999 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết, giao cháu Phạm Lê Thanh Ph, sinh ngày 19-02-2008 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt

không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh H chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị H có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thì thấy: Theo chị H, nguyên nhân ly hôn do anh H thường xuyên đi vắng nhà, không quan tâm gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Kể từ ngày ly thân đến nay anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ và Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh H không đến, thể hiện anh H bỏ mặc tình cảm vợ chồng và không có thiện chí để đoàn tụ với chị H. Xét thấy, anh chị sống ly thân từ năm 2008 đến nay mà không thể đoàn tụ được, thể hiện tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Phạm Lê Thẩm Ph, sinh ngày 16-7-1999 và Phạm Lê Thanh Ph, sinh ngày 19-02-2008. Hiện cháu Ph đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay cháu Ph sống với chị H ổn định, qua làm việc cháu Ph có nguyện vọng được sống với chị H nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Ph cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Song H đối với anh Lê Duy H. Chị H được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Phạm Lê Thẩm Ph, sinh ngày 16-7-1999 và Phạm Lê Thanh Ph, sinh ngày 19-02-2008. Hiện cháu Ph đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Giao cho chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Lê Thanh Ph, sinh ngày 19-02-2008. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012655 ngày 17-12-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên

